

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **300/2020/HNGĐ-ST**

Ngày 18/9/2020

V/v Tranh chấp về hôn nhân và
gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lý Thúy Hà

2. Bà Lê Thị Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Thúy Tình – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Vũ Khánh Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020 nhân dân thành phố Q mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 214/2020/TLST-HNGĐ, ngày 03/8/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03/9/2020 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Chị **Đặng Thị Q**, sinh năm 1993

Địa chỉ: Số nhà 01, tổ 05 (tổ 10 cũ), phường L, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang.

Có mặt

** Bị đơn:* Anh **Vũ Xuân H**, sinh năm 1989

Địa chỉ: Địa chỉ: Số nhà 01, tổ 05 (tổ 10 cũ), phường L, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai tại các phiên hòa giải chị Đặng Thị Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Xuân H đăng ký kết hôn ngày 31/3/2015 tại UBND phường L, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chị ở cùng gia đình chồng tại tổ 5, phường L, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang, cả hai vợ chồng đều là lao động tự do. Vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do anh H mãi chơi, cờ bạc, không chịu làm ăn dẫn đến nợ nần, không quan tâm đến vợ con, đánh chửi chị Q. Năm 2018 thì chị Q đi làm công nhân ở thành phố Thái Nguyên, thỉnh thoảng mới về thăm chồng con, gia đình đã khuyên bảo anh H nhiều lần nhưng anh H không nghe xác định tình cảm

vợ chồng không còn nên chị làm đơn khởi kiện vụ án hôn nhân và gia đình, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh H.

Về con chung: Chị và anh Vũ Xuân H có 01 con chung là Vũ Xuân T, sinh ngày 14/11/2015, chị Q đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và phiên hòa giải tại tòa án, anh Vũ Xuân H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh H xác nhận trình bày của chị Q về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn, quá trình chung sống giữa anh và chị Q và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị Q trình bày là đúng nhưng anh H cho rằng chưa đến mức trầm trọng, trước đây anh H có chơi bời nhưng nay đã suy nghĩ lại và tu trí làm ăn, anh H xác định vẫn còn tình cảm với chị Q muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con nhưng do vợ chồng đã sống ly thân, chị Q lại đi làm ăn xa ít về thăm chồng con nên nếu chị Q nhất quyết ly hôn thì anh H đồng ý;

- Về con chung: Anh và chị Q có 01 con chung là Vũ Xuân T, sinh ngày 14/11/2015, anh đề nghị Tòa án giải giao con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục, không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và vay nợ: Anh Vũ Xuân H xác nhận, vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Q tiến hành xác minh với: Đại diện tổ nhân dân nơi chị Đặng Thị Q và anh Vũ Xuân H sinh sống, xác minh với bà Phạm Thị C là mẹ đẻ của anh Vũ Xuân H, kết quả xác minh cho thấy: Anh Vũ Xuân H và chị Đặng Thị Q có hộ khẩu thường trú tại tổ 5, phường L, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang, có đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thành phố Q. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị ở cùng nhà với mẹ đẻ anh H là bà Phạm Thị C, quá trình chung sống hai anh chị làm nghề tự do, tổ dân phố không thấy vợ chồng anh chị có mâu thuẫn gì, không thấy cãi chửi nhau, tổ không phải giải quyết lần nào. Sau đó vài năm thì chị Q đi làm ăn xa, thi thoảng chị Q về thăm con. Tổ dân phố không nắm được nguyên nhân vì sao chị Q yêu cầu tòa án giải quyết cho ly hôn anh H, anh chị có một con chung hiện đang ở với ông bà nội; Bà C mẹ anh H cung cấp sau khi kết hôn anh H và chị Q ở cùng vợ chồng bà anh H làm phụ xe khách sáng đi tối về, chị Q làm giáo viên hợp đồng nhưng lương thấp nên xin nghỉ đi làm công nhân ở Thái Nguyên từ khi con chung của anh chị là Vũ Xuân T mới 17 tháng tuổi, thời gian đầu cứ 10 ngày chị Q lại về thăm con một lần rồi lại đi, tình cảm vợ chồng bình thường, hoàn thuận thời gian sau do vợ chồng xa nhau nên tình cảm phai nhạt, chị Q ít về thăm chồng con hơn, vợ chồng không cãi đánh nhau, anh H vẫn rất yêu thương vợ, trước đây anh H có chơi bời nhưng đã thay đổi, đây cũng không phải là nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn dẫn đến việc chị Q xin ly hôn anh H, không ảnh hưởng đến chị Q và con chung của anh chị, theo bà xác định nguyên nhân chị Q xin ly hôn anh H là do vợ chồng sống xa nhau nên tình cảm phai nhạt, bà C đề nghị Tòa án hòa giải cho để anh chị đoàn tụ. Về con chung anh chị có 01 con chung là Vũ

Xuân T, sinh ngày 14/11/2015 hiện đang học trường mầm non Ý La, hàng ngày do anh H và ông bà nội chăm sóc đưa đón đi học. Bà C đề nghị Tòa án giao con chung cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc do cháu T đã ở với bố và ông bà nội từ khi 17 tháng tuổi, thu nhập của anh H làm tiếp thị khoảng 9.000.000đ (Chín triệu đồng)/tháng đến 10.000.000đ (Mười triệu đồng)/tháng.

Tại phiên tòa chị Q giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Về quan hệ hôn nhân, chị Q đề nghị HĐXX xử cho chị ly hôn anh Vũ Xuân H; Về con chung chị trình bày, khi con chung của anh chị là cháu Vũ Xuân T được khoảng 17 tháng tuổi thì chị đi làm công nhân của nhà máy Sam Sung tại Thái Nguyên, cháu ở nhà với bố và ông bà nội từ đó cho đến nay, thì thoảng chị có về thăm con và đón con về nhà ông bà ngoại chơi, anh H và gia đình anh H không ngăn cản hay gây khó khăn gì cho chị, con chị hiện nay phát triển về thể chất khỏe mạnh và trí tuệ bình thường. Chị hiện nay đang sống và làm việc tại khu công nghiệp tỉnh Thái Nguyên, chị làm công nhân sáng bắt đầu làm việc từ 08 giờ và chiều hết giờ làm là 17 giờ, ra khỏi công ty mất khoảng 20 phút đến 30 phút, chị có chỗ ở hợp pháp (có hợp đồng thuê phòng trọ tại khu công nghiệp gần nhà máy SAMSUNG), diện tích đủ để cho hai mẹ con sinh sống, chị có hợp đồng lao động với mức lương cơ bản là 5.000.000đ (Năm triệu đồng)/tháng, có tháng tăng ca thu nhập lên đến 11.000.000đ (Mười một triệu đồng)/tháng, trung bình thu nhập của chị khoảng từ 7.000.000đ (Bảy triệu đồng)/tháng đến 8.000.000đ (Tám triệu đồng)/tháng, đủ để trang trải việc tiền thuê nhà, tiền ăn học và tiền chi phí sinh hoạt hàng ngày của hai mẹ con, chị xác định nếu cho con học trường công lập thì sau khi trừ đi các khoản chi tiêu và sinh hoạt phí mỗi tháng chị cũng dư ra được khoảng 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) đến 1.000.000đ (Một triệu đồng) để phòng khi có việc hoặc thuốc men khi mẹ ốm đau nhưng nếu học trường tư thục thì không đủ. Chị Q xác định nếu con ở cùng với chị tại phòng thuê trọ trong khu công nghiệp, lại chỉ có hai mẹ con, không có gia đình, người thân và họ hàng ở gần cũng rất thiệt thòi cho con. Tuy nhiên chị vẫn tha thiết đề nghị HĐXX xem xét cho chị được nuôi con vì anh H hiện nay vẫn còn nợ nần nên không đảm bảo việc nuôi dưỡng chăm sóc con.

Tại phiên tòa anh H nhất trí yêu cầu ly hôn của chị Q, không nhất trí giao cho chung cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, anh trình bày, con chung của anh chị vẫn ở với anh từ khi 17 tháng tuổi, anh là người trực tiếp chăm sóc cùng với sự hỗ trợ của ông bà nội, con anh giờ phát triển, khỏe mạnh bình thường, anh là lao động tự do thu nhập từ việc giao hàng thực phẩm tươi sống trung bình là 7.800.000đ (Bảy triệu tám trăm nghìn đồng)/tháng, ngoài ra anh còn có thu nhập từ làm tiếp thị giấy vệ sinh, việc chị Q trình bày anh nợ nần nên không đảm bảo việc nuôi con là không có căn cứ. Anh H đề nghị HĐXX giao con chung là Vũ Xuân T cho anh tiếp tục được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, anh cam kết nếu được trực tiếp nuôi con sẽ tạo điều kiện cho chị Q thăm nom con và đưa đón con đi chơi vào những ngày nghỉ.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết

vụ án, Tòa án đã thực hiện đảm bảo đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật; Trình tự phiên tòa được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật; Việc chấp hành của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Q đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị Q và anh Vũ Xuân H

- Về con chung: Xử giao con chung là Vũ Xuân T, sinh ngày 14/11/2015 cho anh Vũ Xuân H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Đặng Thị Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở

- Tuyên quyền kháng cáo bản án của chị Đặng Thị Q và anh Vũ Xuân H

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai của các đương sự, biên bản hòa giải tại Tòa án, các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Vụ án “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”, nguyên đơn và bị đơn đều có địa chỉ tại thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Q theo khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giao nộp chứng cứ: Chị Đặng Thị Q và anh Vũ Xuân H nhất trí với các chứng cứ đã được kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai tại Tòa án. Tại phiên tòa anh H cung cấp cho HĐXX 01 giấy xác nhận thu nhập Cơ sở kinh doanh thực phẩm tươi sống Nam Diệp; Địa chỉ: Km4 phường L, thành phố Q, chị Q cung cấp hợp đồng thuê nhà (không có xác nhận) và hợp đồng lao động.

[2] Xét yêu cầu của các đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Q và anh Vũ Xuân H có hộ khẩu thường trú tại tổ 5, phường L, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND phường L vào ngày 31/3/2015, quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn vì anh H chơi bời, không chịu khó làm ăn, đánh chửi chị Q, anh chị đều xác nhận tình cảm vợ chồng phai nhạt, quá trình hòa giải tại Tòa án anh H mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng chị Q kiên quyết xin ly hôn. Tại phiên tòa, chị Q giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh H. Anh H cũng xác định không thể níu kéo được chị Q và nhất trí ly hôn. Xét thấy cuộc sống hôn nhân của vợ chồng anh H chị Q lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, tiến bộ không đạt được.

Từ những căn cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa, xét thấy đủ cơ sở để công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị Q và anh Vũ Xuân H.

- Về con chung: Chị Đặng Thị Q và anh Vũ Xuân H có một con chung là Vũ Xuân T, sinh ngày 14/11/2015, hiện anh H và ông bà nội đang trực tiếp nuôi dưỡng tại nhà riêng, địa chỉ: Tổ 5, phường L, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang. Anh H và chị Q đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con. Tuy nhiên, cháu Vũ Xuân T đang ở ổn định cùng bố và ông bà nội từ nhỏ, chị Q tuy có công việc và thu nhập ổn định nhưng còn phải đi thuê nhà tại khu công nghiệp, xa gia đình người thân và họ hàng, với mức thu nhập từ lương bản là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*)/tháng, nếu làm tăng ca thì thu nhập tăng thêm từ 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*)/tháng đến 8.000.000đ (*Tám triệu đồng*)/tháng chỉ đảm bảo đời sống sinh hoạt tối thiểu của hai mẹ con nên không có khả năng thuê người giúp việc để hỗ trợ chị trong việc trông nom chăm sóc con, đặc thù công việc của công nhân trong nhà máy sẽ phải làm ca kíp, có lúc đi sớm về muộn, cháu T lại còn nhỏ nên những lúc chị Q đi làm vắng nhà cháu ở một mình là không đảm bảo an toàn. HĐXX, xét thấy giao con chung cho anh H trực tiếp trông nom nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục là đảm bảo hơn về điều kiện sống, sinh hoạt và học tập. Anh H không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và vay nợ: Chị Đặng Thị Q và anh Vũ Xuân H đều xác nhận, vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không có vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và vay nợ chung; Về vay nợ riêng chị Q có trình bày anh H có nợ riêng, anh H không thừa nhận và chị Q không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh việc anh H có nợ riêng. Nên HĐXX không xem xét về vay nợ.

[3] Về án phí: Chị Đặng Thị Q và anh Vũ Xuân H không thuộc trường hợp được miễn nộp án phí. Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Đặng Thị Q phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch

Anh Vũ Xuân H không phải chịu án phí của vụ án.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị Q và anh Vũ Xuân H.

2. Tuyên xử: Giao con chung là Vũ Xuân T sinh ngày 14/11/2015 cho anh Vũ Xuân H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục. Chị Đặng Thị Q không phải

cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đặng Thị Q phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Q đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000526 ngày 03/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q. Chị Đặng Thị Q đã nộp đủ án phí;

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 18/9/2020./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tp Tuyên Quang;
- Chi cục THADS tp Tuyên Quang;
- UBND phường Tân Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vương Thị Lan

